

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 5 – Đợt 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 13 – 14/5/2025

Ngày cung cấp TT: 15/5/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống mở.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Cống đóng.
10	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập mở hé.
11	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
12	15	Đầu kênh S17	Cống mở.
13	16	Đập Vùa (CG12)	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Tràng, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đàm, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cống 3-2, Đầu kênh S17, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quỹ Độ, Đầu kênh T5.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Sông Chanh, Đầu kênh C9, Đập Vùa (CG12), Chũ (sông Châu Giang).

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh CG 16.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở tiêu nước nội đồng ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7,08	42,7	7,3	0,1	0,062	0,353	318	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy nhanh. Cống mở, đang tiêu nước nội đồng ra ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7,13	54	7,9	0,2	0,054	1,379	467	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 70%, gió	7,08	56	7,8	0,2	0,039	0,558	422	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2						
	Thành	thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	ĐN 7 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở tiêu nước nội đồng ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7,09	28	5,86	0,3	0,295	2,160	624	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Trảng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6,53	15	7,15	0,2	0,039	0,968	440	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2					
		Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.									
6	Cổng Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 80%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7,01	14	6,78	0,3	0,070	1,305	526	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Cổng Cổ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 4 km/h. Dòng chảy chậm từ nội đồng ra sông. Cống mở. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7,85	23	6,48	0,2	0,031	1,328	398	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 4 km/h. Không có dòng chảy.	6,72	20	6,24	0,2	0,140	1,845	443	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2					
		hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Cống đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải độc thành phố Nam Định.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 71%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm hướng về Cốc Thành. Nước màu vàng lục.	7,09	26	7,1	0,2	0,054	0,603	436	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí,	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 73%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6,84	12	5,36	0,8	0,062	7,425	1.230	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2					
		chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 5 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Cống đóng. Mức nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	6,86	23	6,18	0,3	0,202	2,048	459	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 9 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Sắt ra sông Châu Giang. Đập mở hé. Nước màu vàng lục.	7,02	26	7,2	0,2	0,047	0,610	238	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, cống mở. Khu vực lâu mấu đang sửa chữa	6,35	24	4,52	0,6	0,202	4,878	560	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2						
		KCN Hòa Hậu.	cổng. Nước màu vàng lục.							B	
14	Cổng 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 69%, gió ĐN 7 km/h. Không có dòng chảy, cổng đóng. Nước màu vàng lục.	7,26	20	6,81	0,2	0,047	1,076	437	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 4 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt. Cổng mở. Nước màu vàng lục.	7,13	20	6,11	0,2	0,054	2,205	320	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
16	Đập Vũa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước thượng lưu cao hơn hạ lưu. Nước màu vàng đục.	7,05	41	5,02	0,2	0,093	1,935	336	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2						
17	Cầu Chũ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 9 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Nước màu vàng lục.	7,14	26	5,21	0,2	0,109	1,877	458	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 4 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đàm. Nước màu vàng lục.	7,86	26	6,23	0,2	0,062	1,530	418	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
19	Bể hút trạm bơm Quỳ Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỳ Độ.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 4 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6,96	28	6,28	0,3	0,039	1,395	512	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
20	Đầu kênh	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 70%, gió	6,58	20	6,13	0,2	0,031	1,508	391	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6,5 – 8,5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8,5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8,5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6,0 hoặc > 8,5		≥ 2					
	T5	thông tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	ĐN 7 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn